

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2017/HSST

Ngày 29/12/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lang Thị Duyên

Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Lý.

- Bà Bùi Thị Hoa.

Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Bích Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Lâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29/12/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 162/2017/HSST ngày 28 tháng 11 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 225/2017/QĐXX ngày 13/12/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đối với bị cáo:

1. Moong Thị B – Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 08/3/1994 tại huyện KS, tỉnh Nghệ An.

Nơi ĐKKHKT: Xã Nậm Cắn, huyện KS, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở: Bản Đình Sơn II, xã Hữu Kiệm, huyện KS, tỉnh Nghệ An.

Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Khơ Mú - Tôn giáo: Không;

Trình độ văn hoá: Không biết chữ - Nghề nghiệp: Trồng trọt.

Con ông: Moong Phò Kh (Moong Văn L) - Sinh năm 1960.

Con bà: Moong Mẹ Kh (Cự Thị Ch) – Sinh năm 1963.

Anh chị em ruột có 03 người; Bị cáo là con thứ 03;

Chồng: Chưa đăng ký kết hôn với ai, hiện đang sinh sống như vợ chồng với Vi Văn T1 (bị cáo trong vụ án).

Con: Có 01 con sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/8/2017 đến nay. Có mặt.

2. Vi Văn T1 – Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 12/9/1992 tại huyện KS, tỉnh Nghệ An.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Bản Đình Sơn II, xã Hữu Kiệm, huyện KS, tỉnh Nghệ An.

Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Khơ Mú - Tôn giáo: Không;

Trình độ văn hoá: 12/12 - Nghề nghiệp: Trồng trọt.

Con ông: Vi Văn Châu (Vi Văn Kính) - Sinh năm 1969.

Con bà: Moong Thị M1 – Sinh năm 1972.
Anh chị em ruột có 03 người; Bị cáo là con thứ 02;
Vợ: Chưa đăng ký kết hôn với ai, hiện đang sinh sống như vợ chồng với Moong Thị B (bị cáo trong vụ án).
Con: Có 01 con sinh năm 2014.
Tiền án, tiền sự: Không;
Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/8/2017 đến nay. Có mặt.
Người bị hại: Chị Moong Thị Q1 – Sinh ngày 01/7/1998.
Trú tại: Bản Đình Sơn II, xã Hữu Kiệm, huyện KS, Nghệ An. Hiện đang sinh sống ở Trung Quốc - Vắng mặt.
Đại diện cho người bị hại: Ông Mong Văn O1 – Sinh năm 1975.
Trú tại: Bản Đình Sơn II, xã Hữu Kiệm, huyện KS, tỉnh Nghệ An (bố đẻ của chị Q1). Có mặt.
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Vi Thị Dương – Sinh năm 1977.
Trú tại: Bản Đình Sơn II, xã Hữu Kiệm, huyện KS, tỉnh Nghệ An (mẹ đẻ của chị Q1). Có mặt.

NHẬN THẤY:

Theo Cáo trạng số 163/VKS-P2 ngày 24/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An thì vụ án có nội dung như sau:

Năm 2013, Vi Văn T1 sang Trung Quốc làm ăn thì gặp Moong Thị B, Lữ Thị Thắm ở tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc, do biết được nhu cầu đàn ông Trung Quốc mua người về làm vợ nên Vi Văn T1 về Việt Nam tìm người đưa sang Trung Quốc để bán. Vào khoảng tháng 7/2013, Vi Văn T1 về Việt Nam đến nhà Moong Thị Q1 sinh ngày 01/7/1998 tại bản Đình Sơn II, xã Hữu Kiệm, huyện KS, Nghệ An chơi và cho Q1 xem ảnh nhà cửa và cuộc sống ở bên Trung Quốc. Sau đó, T1 nói với Q1 nếu muốn sang Trung Quốc lấy chồng thì T1 sẽ đưa đi. Q1 hỏi lại “nếu đi thì được bao nhiêu tiền?”. Vi Văn T1 nói “nếu đi sẽ được 35.000.000đ”. Q1 đồng ý đi Trung Quốc. Sau đó T1 có hỏi ý kiến xin bố mẹ Q1 nhưng bố mẹ Q1 không đồng ý. Cùng thời điểm đó, T1 đến nhà Vi Thị Phon sinh ngày 16/7/1996 cùng bản Đình Sơn II, xã Hữu Kiệm, huyện KS, Nghệ An rủ Phon sang Trung Quốc lấy chồng và cũng được trả 35.000.000đ. Vi Thị Phon đồng ý.

Sau khi rủ được Moong Thị Q1 và Vi Thị Phon, Vi Văn T1 gọi điện cho Moong Thị B là bạn gái đang ở Trung Quốc (B hiện nay là vợ của T1) nói có 02 người ở bản Đình Sơn II, xã Hữu Kiệm, huyện KS, Nghệ An muốn sang Trung Quốc lấy chồng và hỏi B có đưa sang được không?. B nói không có tiền về đón. Lúc đó Lữ Thị Thắm ở đó biết có người muốn sang Trung Quốc lấy chồng nên Thắm nói B cứ về đón người, Lữ Thị Thắm sẽ đưa tiền cho về đón. Moong Thị B gọi điện thoại cho Vi Văn T1 nói đưa hai người phụ nữ xuống ngã ba thị trấn Diễn Châu rồi Moong Thị B sẽ đón về. Sau đó Lữ Thị Thắm đưa cho B 3.000 Nhân dân tệ, khi về Việt Nam B đổi được 9.000.000đ tiền Việt Nam.

Cuối tháng 8/2013, Vi Văn T1 đưa Moong Thị Q1 và Vi Thị Phon xuống ngã ba Diễn Châu. Moong Thị B từ Trung Quốc về ngã ba Diễn Châu, huyện Diễn

Châu, tỉnh Nghệ An gặp Vi Văn T1. B đón Moong Thị Q1 và Vi Thị Phon sang Trung Quốc. Trước lúc đi, B đưa cho Vi Văn T1 15.000.000đ tiền Việt Nam và nói “Lữ Thị Thắm sẽ trả tiền công cho Vi Văn T1 10.000.000đ”. Moong Thị B đưa Moong Thị Q1 và Vi Thị Phon sang Trung Quốc ở tại nhà Lữ Thị Thắm 20 ngày. Sau đó, Thắm và B bán Moong Thị Q1 và Vi Thị Phon cho người Trung Quốc lấy làm vợ. Moong Thị Q1 bị bán với giá 6,8 vạn Nhân dân tệ (khoảng 198 triệu đồng tiền Việt Nam); Vi Thị Phon bị bán với giá 6,5 vạn Nhân dân tệ (khoảng 195 triệu đồng tiền Việt Nam).

Sau khi bán được Moong Thị Q1 và Vi Thị Phon, B và Thắm chia nhau số tiền bán Q1 và Phon theo thỏa thuận ban đầu. Sau khi trừ các chi phí, Thắm trả cho B 04 vạn nhân dân tệ (khoảng 120 triệu đồng Việt Nam đồng). Sau đó, Thắm tiếp tục trả trừ 5.000 Nhân dân tệ, số tiền Moong Thị B được nhận là 3.5 vạn Nhân dân tệ. B về Việt Nam đổi được 105.000.000đ (VNĐ). B đưa cho Vi Văn T1 70.000.000đ (VNĐ) để trả cho gia đình Moong Thị Q1 và Vi Thị Phon và trả 10.000.000đ tiền công cho Vi Văn T1 như đã thỏa thuận. Moong Thị B được hưởng lợi 25.000.000đ.

Sau khi nhận tiền từ B, Vi Văn T1 đã đưa cho gia đình được Moong Thị Q1 và Vi Thị Phon mỗi gia đình 35.000.000đ; Ngày 28/02/2017, Moong Thị Q1 đã trốn về Việt Nam và làm đơn tố cáo sau đó lại sang Trung Quốc. Đến ngày 14/8/2017, Q1 về Việt Nam và tiếp tục làm đơn tố cáo. Vi Thị Phon hiện nay đang ở Trung Quốc.

Khi bị bán sang Trung Quốc ngày 15/8/2013, Moong Thị Q1 sinh ngày 01/7/1998 mới 15 tuổi 01 tháng 14 ngày.

Tại bản Cáo trạng số 163/VKS-P2 ngày 24/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An đã truy tố bị cáo Moong Thị B và Vi Văn T1 về tội “ Mua bán trẻ em” theo điểm e khoản 2 Điều 120 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Moong Thị B và Vi Văn T1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt; phía bên người bị hại cũng đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm: Giữ nguyên bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An đã truy tố về tội danh và khung hình phạt đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Vi Văn T1 và Moong Thị B mỗi bị cáo mức án từ 7 – 8 năm tù về tội “ Mua bán trẻ em”.

Về trách nhiệm Dân sự: Chấp nhận sự thỏa thuận của các bên, bị cáo Vi Văn T1 và Moong Thị B phải liên đới bồi thường thiệt hại cho chị Mong Thị Q1 số tiền 30.000.000đ (ngoài 20.000.000đ đã bồi thường trước).

Về án phí: Bị cáo Vi Văn T1 và Moong Thị B phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu và chứng cứ đó được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, bị cáo Vi Văn T1 và Moong Thị B thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và khai rằng: Ngày 15/8/2013, Vi Văn T1 đã đưa Moong Thị Q1 sinh ngày 01/7/1998 (mới 15 tuổi 01 tháng 14 ngày) từ huyện KS xuống thị trấn Diễn Châu, tỉnh Nghệ An và giao cho Moong Thị B đưa Moong Thị Q1 sang Trung Quốc bán cho người đàn ông Trung Quốc lấy làm vợ với số tiền 6,8 vạn Nhân dân tệ (tương đương 198.000.000đ VNĐ). Moong Thị B được hưởng lợi 25.000.000đ, Vi Văn T1 được hưởng lợi 5.000.000đ.

Lời khai nhận của bị cáo Vi Văn T1 và Moong Thị B phù hợp với tài liệu và chứng cứ có tại hồ sơ, phù hợp với lời khai người bị hại trong quá trình điều tra. Như vậy có đủ cơ sở kết luận bị cáo Vi Văn T1 và Moong Thị B phạm tội “Mua bán trẻ em”. Bị cáo mua bán trẻ em để đưa ra nước ngoài nên đã phạm vào điểm e khoản 2 điều 120 Bộ luật Hình sự.

Xét vụ án có tính chất đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, xem con người là món hàng để giao dịch mua bán, hành vi đó đã xâm phạm sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người khác nhất là trẻ em, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Bản thân bị cáo Vi Văn T1 và Moong Thị B do háo lợi nên cố tình phạm tội, lợi dụng hoàn cảnh khó khăn nên dụ dỗ Moong Thị Q1 đưa ra sang Trung Quốc để bán.

Vụ án có hai bị cáo cùng tham gia, bị cáo Vi Văn T1 giữ vai trò chính, là người trao đổi với Lữ Thị Thắm, sau đó dụ dỗ Moong Thị Q1 và đưa Moong Thị Q1 giao cho Moong Thị B để đưa sang Trung Quốc bán cho người Trung Quốc lấy làm vợ, còn Moong Thị B là người thực hiện tích cực, nhận tiền từ Lữ Thị Thắm rồi về Việt Nam đón Moong Thị Q1 sang bán cho người đàn ông Trung Quốc. Cho nên, cần lên một mức án tương xứng với vai trò, tính chất mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo để có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Nhưng xét bị cáo Vi Văn T1 và Moong Thị B là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng cao biên giới, bị cáo Moong Thị B văn hóa không biết chữ nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thực sự ăn năn hối cải, khai báo thành khẩn, gia đình các bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận khắc phục hậu quả bồi thường một phần cho người bị hại; Người bị hại có đơn xin giảm hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo Vi Văn T1 tham gia quân đội được tặng danh hiệu “Chiến sỹ tiên tiến”. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và xử phạt bị cáo mức án dưới khung hình phạt thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, Người bị hại vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra hai bên đã thống nhất thỏa thuận các bị cáo bồi thường số tiền 50.000.000đ. Gia đình bị cáo Vi Văn T1 và Moong Thị B đã bồi thường được 20.000.000đ. Tại phiên tòa, đại diện cho gia đình Moong Thị Q1 yêu cầu được bồi thường số tiền còn lại. Bị cáo Vi Văn T1 và Moong Thị B cũng chấp nhận bồi thường số tiền đã thỏa thuận và đồng ý tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 30.000.000đ.

Đối với khoản tiền thu lợi bất chính do bán Moong Thị Q1 mà có các bị cáo đã chi tiêu hết. Hiện nay các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không cần thiết phải tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Trong vụ án này còn có Lữ Thị Thảo cùng tham gia nhưng hiện nay không có mặt tại địa phương nên chưa có cơ sở để xử lý, lúc nào bắt được sẽ xử lý sau.

Bị cáo Vi Văn T1 và Moong Thị B phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Vi Văn T1 và Moong Thị B phạm tội “Mua bán trẻ em”.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 120; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Vi Văn T1 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 17/8/2017.

Xử phạt: Moong Thị B 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 17/8/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự; Điều 585; Điều 586; Điều 587; Điều 592 Bộ luật Dân sự.

Chấp nhận sự thỏa thuận của các bên: Bị cáo Vi Văn T1 và Moong Thị B phải liên đới bồi thường cho Mong Thị Q1 (do ông Moong Văn O1 đại diện) số tiền còn lại là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) ngoài số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) đã bồi thường trước.

Chia kỷ phần: - Bị cáo Vi Văn T1 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng);

- Bị cáo Moong Thị B 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng).

Về Án phí: Bị cáo Vi Văn T1 và Moong Thị B mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm và 750.000đ (bảy trăm, năm ngàn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật Thi hành án Dân sự.

Bị cáo, đại diện cho người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết /.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

*** Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Công an tỉnh Nghệ An;
- Bị cáo và các đương sự;
- Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

Lang Thị Duyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN –

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA.